

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I

Năm học: 2022 - 2023

Môn: Địa lí

Lớp: 9

Thời gian: 45 phút (*không kể thời gian giao đề*)

ĐỀ SỐ 2

1. Ma trận

STT	Nội dung, kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Mức độ nhận thức								Tổng			% Tổng điểm	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH		Thời gian, (phút)		
			Số CH	TG	Số CH	TG	Số CH	TG	Số CH	TG	TN	TL			
1	A. Địa lí dân cư	A.1. Cộng đồng các dân tộc Việt Nam. A.2. Dân số và gia tăng dân số A.3. Phân bố dân cư và các loại hình quần cư.	4	3,0	0	0	0	0	0	0	0	4	0	3,0	10
2	B. Địa lí kinh tế	B.1. Sự phát triển và phân bố nông nghiệp B.2. Sự phát triển và phân bố công nghiệp. B.3. Sự phát triển và phân bố lâm nghiệp, thủy sản. B.4. Vai trò, đặc điểm phát	6 (5TN; 01TL)	12,45	0	0	0	0	0	0	0	5	01	12,45	22,5

		triển và phân bố của dịch vụ. B.5. Giao thông vận tải và Bưu chính viễn thông. B.6. Thương mại và du lịch.												
3	C. Sự phân hóa lãnh thổ	C.1. Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. C.2. Vùng Đồng bằng sông Hồng. C.3. Vùng Bắc Trung Bộ. C.4. Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.	3	2,15	1 (TL)	8,0	$\frac{1}{2}$ (TL)	13,0	$\frac{1}{2}$ (TL)	6,0	3	2	29,15	67,5
Tổng			13	18,0	1	8,0	1/2	13	1/2	6,0	12	3	45	100
Tỉ lệ %			40		30		20		10		30	70		
Tỉ lệ chung			70				30							

2. Đề bài

A. Phần trắc nghiệm (3,0 điểm – Mỗi câu 0,25 điểm)

Ghi lại chữ cái đứng trước ý trả lời đúng trong các câu sau:

Câu 1. Mỗi dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam đều có những nét văn hóa riêng làm

- A. sự phát triển kinh tế gặp nhiều khó khăn.
- B. tình hình xã hội nước ta trở nên phức tạp.
- C. văn hóa nước ta thêm phong phú giàu bản sắc.
- D. tăng thêm tính thống nhất của cộng đồng các dân tộc.

Câu 2. Theo thống kê 01/4/2014, nước ta có diện tích 330.991 km^2 với số dân là 90.493.352 người. Cho biết nước ta có mật độ dân số là bao nhiêu?

- A. 273,4 người/ km^2 .
- B. 275,5 người/ km^2 .
- C. 276 người/ km^2 .
- D. 277 người/ km^2 .

Câu 3. Nhân tố tự nhiên ảnh hưởng lớn đến sự phát triển và sự phân bố công nghiệp là

- A. khí hậu.
- B. địa hình.
- C. vị trí địa lý.
- D. nguồn nguyên, nhiên liệu.

Câu 4. Các nhân tố lớn ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp nước ta là

- A. nguồn nhân lực, tài nguyên thiên nhiên, thị trường.
- B. tài nguyên thiên nhiên, các nhân tố kinh tế - xã hội.
- C. đường lối chính sách, tài nguyên thiên nhiên, nguồn vốn.
- D. tài nguyên khoáng sản, dân cư và lao động, cơ sở vật chất kỹ thuật.

Câu 5. Ngành công nghiệp năng lượng phát triển mạnh nhất ở Quảng Ninh là

- A. than.
- B. nhiệt điện.
- C. thủy điện.
- D. lọc hoá dầu.

Câu 6. Khối lượng vận chuyển hàng hoá bằng loại hình GTVT nào nhiều nhất?

- A. Đường sắt.
- B. Đường sông.
- C. Đường bộ.
- D. Đường biển.

Câu 7. So với các vùng khác về sản xuất nông nghiệp, Đồng bằng Sông Hồng là vùng có

- A. sản lượng lúa lớn nhất.
- B. năng xuất lúa cao nhất.
- C. xuất khẩu lúa nhiều nhất.
- D. bình quân lương thực cao nhất.

Câu 8. Vị trí của vùng Bắc Trung Bộ có ý nghĩa trong việc phát triển kinh tế, xã hội là

- A. giáp Lào.
- B. giáp biển.
- C. cầu nối Bắc – Nam.
- D. giáp Đồng bằng sông Hồng.

a) Hãy vẽ biểu đồ thể hiện mối quan hệ giữa dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người của đồng bằng sông Hồng?

b) Qua biểu đồ phân tích ảnh hưởng của việc giảm dân số tới bình quân lương thực theo đầu người ở đồng bằng sông Hồng?

3. Đáp án và biểu điểm chi tiết

A. Phần trắc nghiệm (3,0 điểm - Mỗi đáp án đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	A	D	B	B	D	B	C	D	C	A	A

B. Phần tự luận (7,0 điểm)

Câu	Hướng dẫn chấm	Điểm
1 (1,0 đ)	- Trước kia nước ta xuất khẩu các mặt hàng khoáng sản, lâm sản, nông sản và thủy sản ở dạng thô mới sơ chế giá rẻ, nhập các hàng máy móc nguyên nhiên liệu giá cao, chúng ta nhập nhiều hơn xuất nên gọi là " tình trạng nhập siêu ".	0,75
	- Hiện nay nước ta vừa tăng qui mô xuất nhập khẩu vừa cân đối giữa xuất và nhập.	0,25
2 (3,0 đ)	- Bắc Trung Bộ là dải đất hẹp ngang kéo dài từ dãy Tam Điệp đến dãy Bạch Mã,... Phía tây là dãy núi Trường Sơn bắc giáp với Lào, phía đông là biển Đông.	1,0
	- Lãnh thổ kéo dài làm cho thiên nhiên của vùng có sự phân hóa từ bắc xuống nam.	0,5
	- Phía đông giáp biển giàu tiềm năng cho sự phát triển cảng biển, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.	0,75
	- Được coi là cầu nối giữa các vùng lãnh thổ phía Bắc và phía Nam đất nước, mở rộng quan hệ với các vùng trong nước, Lào.	0,75
3 (3,0 đ)	a) Vẽ biểu đồ đường đúng, đủ, đẹp (nếu biểu đồ khác không cho điểm)	2,0
	b) Nhận xét: Ảnh hưởng của việc giảm gia tăng dân số tới bình quân lương thực đầu người ở đồng bằng sông Hồng: + Giảm gia tăng dân số sẽ giảm sức ép đến vấn đề sử dụng đất nông nghiệp ở đồng bằng sông Hồng góp phần tăng được sản lượng lương thực, bình quân sản lượng lương thực đầu người cao thứ 2 cả nước.	0,5
	+ Giảm gia tăng dân số góp phần nâng cao bình quân lương thực theo đầu người của vùng.	0,5

GVBM

Duyệt của tổ CM

Bùi Đức Giang

Hà Văn Loan

Duyệt của BGH